TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 414/2019/DS-PT
Ngày: 14-5-2019
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Thẩm phán: Bà Võ Thị Sang

Bà Nguyễn Thị Thoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Tiến Thịnh, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Đoàn Bích Trâm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 và ngày 14 tháng 05 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2019/TLPT-DS ngày 03 tháng 01 năm 2019, về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 27/2018/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1579/2019/QĐ-PT ngày 01 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1961(xin vắng mặt).
Nơi cư trú: số 151C, ấp P, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Thanh K, sinh năm 1967 – Luật sư Văn phòng Luật sư Trần Thanh K thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).
Địa chỉ: số 378/24 đường X, Phường 25, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1943(vắng mặt).
Nơi cư trú: ấp P, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị theo Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐKNPT-VKS-DS ngày 12/12/2018.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ông Trần Thanh K là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 12/5/2011, bà Nguyễn Thị A có cho ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1943, địa chỉ: Tổ 38 ấp P, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh vay số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và ông L có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 984562 cho bà Nguyễn Thị A để làm tin. Thời hạn vay là 05 tháng, mỗi tháng lãi suất là 4%/ tháng (trả tiền lãi hàng tháng) và đến hạn thì hoàn lại cả tiền vốn lẫn tiền lãi.

Ngày 03/01/2012, ông L có đến nhà bà Nguyễn Thị A viết giấy cam kết bảo đảm mượn lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp cho con gái là Nguyễn Thị H thế chấp Ngân hàng vay vốn sản xuất. Bà A cho ông L nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ông L cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu con gái ông không trả số tiền trên.

Khi đến hạn trả nợ vay cho bà A, ông L cố A trì hoãn và không trả nợ cho bà. Sau đó, bà A làm đơn nhờ chính quyền xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh hòa giải, yêu cầu ông L trả nợ cho bà nhưng không thành. Nay bà A yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh buộc ông Nguyễn Văn L phải trả cho bà số tiền vốn gốc là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Tiền lãi từ ngày 12/5/2011 đến ngày 12/10/2011 là 5 tháng x 4% x 100.000.000 đồng là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Tiền lãi trên nợ gốc từ ngày 12/10/2011 đến ngày 12/9/2018 là 83 tháng x 0,83% x 100.000.000 đồng là 68.890.000 đồng (Sáu mươi tám triệu, tám trăm chín mươi nghìn đồng).

Tổng cộng số tiền ông Nguyễn Văn L phải trả cho bà Nguyễn Thị A là 188.890.000 đồng (Một trăm tám mươi tám triệu, tám trăm chín mươi nghìn đồng) và yêu cầu ông L trả làm một lần.

Bị đơn ông Nguyễn Văn L trình bày:

Ông Nguyễn Văn L xác nhận ngày 12/5/2011, ông có hỏi vay bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1961, địa chỉ: số 151C ấp P, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và ông L có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 984562 để làm tin. Thời hạn vay tiền là 05 tháng, mỗi tháng lãi suất là 4%/ tháng (trả tiền lãi hàng tháng) và đến hạn thì hoàn lại cả tiền vốn lẫn tiền lãi.

Ngày 03/01/2012, ông có đến nhà bà Nguyễn Thị A viết tờ cam kết bảo đảm mượn lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp đưa cho con gái là bà Nguyễn Thị H thế chấp Ngân hàng vay vốn sản xuất và ông L cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu con gái ông lật lọng.

Ông cho rằng ông đã già không còn sức lao động nên không có khả năng trả số tiền trên cho bà A.

T□i b□n **g** d**h** s□ s□ th□m s□ 27/2018/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

Căn cứ các Điều 162; Điều 471; Điều 473; Điều 474; Điều 476 và Điều 478 Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ vào Điều 26; Điều 35; Điều 36 và Điều 39; Điều 68; Điều 147; Điều 228; Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lA và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

1. Về quan hệ tranh chấp:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị A; buộc ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1943, nơi cư trú: ấp P, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh phải trả cho bà Nguyễn Thị A số tiền là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) trả một lần khi án có hiệu lực.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị A có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông L chưa thi hành xong nghĩa vụ trả tiền thì ông L còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất do Ngân hàng Nhà nước qui định tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo qui định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.500.000 đồng (Bảy triệu, năm trăm nghìn đồng) nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị A số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 4.680.750 đồng (Bốn triệu, sáu trăm tám mươi nghìn, bảy trăm năm mươi đồng) mà bà A đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí số 06104, ngày 05/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Ngay 12/12/2018 Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân Huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh Kháng nghị đối với bản án sơ thẩm theo Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐKNPT-VKS-DS ngày 12/12/2018, đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm theo hướng hủy toàn bộ bản án sơ thẩm sog27/2018/DS-ST ngay 29 thang 11 nam 2018 cua Toa an nhan dan Huyện C.

T□i phin tx phc th□m:

Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị A có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà A là Luật sư Trần Thanh

K thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh có mặt tại phiên tòa; Bị đơn là ông Nguyễn Văn L đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị A, ông Nguyễn Văn L theo quy định tại các Điều 227, 228, 296 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa trình bày kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C đối với bản án sơ thẩm và xác định rút một phần kháng nghị.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn không có A kiến gì về kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết vụ án theo qui định của pháp luật nên các bên không tranh tụng và tranh luận tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phát biểu A kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, các thành viên Hội đồng xét xử, các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về thời hạn kháng nghị:

Ngày 29/11/2018, Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm và tuyên án vụ án, Viện kiểm sát nhân dân huyện C không tham gia phiên tòa. Ngày 30/11/2018 Tòa án nhân dân huyện C giao Bản án sơ thẩm cho Viện kiểm sát nhân dân huyện C. Ngày 12/12/2018 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C ban hành quyết định số 01/QĐKNPT kháng nghị bản án dân sự sơ thẩm số 27/2010/QĐST-DS ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C nên căn cứ khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C là còn trong hạn luật định.

- Về nội dung kháng nghị:

+ Kháng nghị về việc Tòa án nhân dân huyện C không đưa bà Nguyễn Thị H (con ông Nguyễn Văn L) vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn; Căn cứ giấy mượn tiền ngày 12/05/2011 giữa ông L và bà A; Căn cứ tờ bảo đảm ngày 03/01/2012 của ông L lập và kA tên; Căn cứ lời khai của các đương sự. Xác định bà Nguyễn Thị H (con ông Nguyễn Văn L) hoàn toàn không liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ trong vụ án nên Tòa án nhân dân huyện C không đưa bà Nga vào tham gia tố tụng trong vụ án là có căn cứ. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét thấy kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C về nội dung này là không có cơ sở nên Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh rút kháng nghị nội dung này.

+ Kháng nghị về việc Tòa án nhân dân huyện C không miễn án phí cho ông L là có căn cứ theo qui định tại khoản 1 Điều 48 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH là có căn cứ vì ông L là người cao tuổi nên đề nghị chấp nhận.

+ Kháng nghị về việc Tòa án nhân dân huyện C chưa tuyên hủy giấy mượn tiền ngày 12/05/2011 là có cơ sở nên đề nghị chấp nhận

+ Kháng nghị về việc Toà án nhân dân huyện C không tuyên rõ quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ, thời hạn thi hành án của các đương sự theo qui định tại Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung 2014 là có căn cứ nên đề nghị chấp nhận.

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 27/2018/QĐST-DS ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức:

Ngày 29/11/2018 Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm và tuyên án vụ án. Ngày 12/12/2018 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị đối với bản án sơ thẩm theo Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QDKNPT-VKS-DS ngày 12/12/2018 là còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh được xem xét tại cấp phúc thẩm.

Xét tòa án đã triệu tập hợp lệ nguyên đơn là bà Nguyễn Thị A tham gia phiên tòa phúc thẩm nhưng bà A có nộp đơn xin xét xử vắng mặt; ông Nguyễn Văn L đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lA do. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn là bà Nguyễn Thị A và bị đơn là ông Nguyễn Văn L theo quy định tại các Điều 227, 228, 296 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Xét tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đề nghị rút Kháng nghị về nội dung Tòa án nhân dân huyện C không đưa bà Nguyễn Thị H (con ông Nguyễn Văn L) vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Căn cứ khoản 3 Điều 289; khoản 2, khoản 3 Điều 298 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút một phần kháng nghị và quyết định đình chỉ xét xử đối với phần kháng nghị này.

Xét nội dung kháng nghị về việc cấp sơ thẩm không miễn án phí cho ông L: Căn cứ xác nhận nơi cư trú của ông Nguyễn Văn L do Công an xã T, huyện C Thành phố Hồ Chí Minh chứng thực ngày 23/7/2018 xác định ông Nguyễn Văn L sinh năm 1943 đến thời điểm xét xử sơ thẩm vụ án thì ông L 75 tuổi nên ông L là người cao tuổi theo qui định tại Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009. Căn cứ khoản 1, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì ông L thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí. Cấp sơ thẩm không hướng dẫn ông L nộp đơn, xét miễn án phí cho ông L là còn thiếu sót. Do đó, kháng nghị về nội dung này của Viện kiểm sát nhân dân huyện C là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông Nguyễn Văn L được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Xét nội dung kháng nghị về việc cấp sơ thẩm không tuyên hủy giấy mượn tiền ngày 12/5/2011 giữa ông L và bà A là chưa giải quyết dứt điểm vụ án: Căn cứ đơn khởi kiện, bản tự khai của các bên đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu hủy giấy mượn tiền ngày 12/5/2011 vì thực tế các bên đương sự đã thừa nhân giấy mượn tiền là có thực, xác định quyền và nghĩa vụ của mình theo giấy mượn tiền nêu trên. Cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án căn cứ vào chứng cứ này và sự thừa nhận của các bên đương sự. Do đó, giấy mượn tiền nêu trên là chứng cứ trực tiếp của vụ án nên cấp sơ thẩm không tuyên hủy giấy mượn tiền là có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng nghị này của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, để việc thi hành án rõ ràng và đúng qui định pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải bổ sung nội dung buộc bị đơn là ông L phải trả tiền cho nguyên đơn là bà A theo giấy mượn tiền ngày 12/05/2011 (bao gồm tiền nợ gốc và tiền lãi) thì mới đầy đủ.

Xét nội dung kháng nghị về việc bản án sơ thẩm không ghi rõ trong quyết định của bản án về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án của các đương sự: Xét thấy kháng nghị nội dung này đối với bản án sơ thẩm là có căn cứ theo quy định tại Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung 2014. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận nội dung kháng nghị này của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các nội dung khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết .

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Viện kiểm sát kháng nghị, các đương sự không kháng cáo bản án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Từ những phân tích và nhận định như trên và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, sửa bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 280; Khoản 3, Điều 289; Điều 293; Điều 296; Khoản 3 Điều 298; Khoản 2 Điều 308 Bộ Luật Tố tụng dân Sự;

- Điểm d, Khoản 1, Điều 11; Khoản 1, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

- Chấp nhận việc rút một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng nghị cấp sơ thẩm không đưa bà Nguyễn Thị H (con ông Nguyễn Văn L) tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Chấp nhận một phần kháng nghị theo Quyết định kháng nghị số 01/QĐKN-PT ngày 12/12/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát Nhân dân huyện C, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 27/2018/QĐST-DS ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Về quan hệ tranh chấp:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị A; buộc ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1943, nơi cư trú: ấp P, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh phải trả cho bà Nguyễn Thị A số tiền là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) theo giấy xác nhận mượn tiền ngày 12/5/2011 do ông Nguyễn Văn L viết và kA tên. Trong đó gồm tiền mượn gốc là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng); tiền lãi là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Thi hành nghĩa vụ trả tiền một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị A có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông L chưa thi hành xong nghĩa vụ trả tiền thì ông L còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất do Ngân hàng Nhà nước qui định tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo qui định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn L được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị A số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 4.680.750 đồng (Bốn triệu, sáu trăm tám mươi nghìn, bảy trăm năm mươi đồng) mà bà A đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí số 06104, ngày 05/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao (Tại Tp.HCM);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao (Tại Tp.HCM);
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.HCM;
- Thi hành án dân sự huyện C;
- Tòa án nhân dân huyện C;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tiến Dũng